

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI VỀ KINH TẾ Ở NƯỚC TA

(Tiếp theo số 7 và hết)

PHAN ĐIỂN

Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị,
Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng

T rước và nhất là sau Hội nghị Trung ương (HNTU) 6 Khoá IV, lãnh đạo của một số tỉnh và một số đơn vị cơ sở đã mạnh dạn thí điểm thực hiện một số chủ trương về quản lý kinh tế khác với chủ trương của Trung ương như khoán sản phẩm cuối cùng cho xã viên trong hợp tác xã nông nghiệp, cho phép xí nghiệp nhà nước được mua thêm vật tư ngoài thị trường và bán sản phẩm làm ra từ những vật tư ấy theo giá kinh doanh. Hầu hết những nơi tiến hành thử nghiệm đều thu được một số kết quả khả quan đối với sản xuất và đời sống.

Thực hiện và phát triển tinh thần Nghị quyết Trung ương (NQTU) 6 Khoá IV, tiếp thu những sáng kiến và kinh nghiệm hay của các địa phương, cơ sở trong cả nước, trong những năm 1980 - 1985 Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo thực hiện nhiều bước điều chỉnh các chính sách về giá; lương theo hướng bỏ dần quan liêu, bao cấp; giảm bớt số mặt hàng hiện vật Nhà nước cung cấp theo mức giá thấp và ổn định; đưa hệ thống giá của nhà nước ngày càng tiếp cận gần hơn với giá thị trường; mở rộng việc vận dụng quan hệ tiền tệ và quy luật giá trị trong nền kinh tế. Đầu năm 1981, Ban Bí thư đã ban hành Chi thị 100 về việc thực hiện khoán sản phẩm đến hộ và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp³. Thủ

tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 25/CP về việc thực hiện chế độ ba phần kế hoạch đối với các xí nghiệp quốc doanh⁴. Một số tỉnh phía Nam áp dụng thử nghiệm dùng giá thị trường thay cho giá thấp mà Nhà nước quy định trong quan hệ trao đổi hai chiều giữa Nhà nước với nông dân, người tiêu dùng và thực hiện bù giá vào lương.

Việc thực hiện các chính sách mới, nhất là Chi thị 100 và Quyết định 25/CP, đã đem lại sinh khí cho nền kinh tế. Tình hình kinh tế nước ta trong những năm 1980 - 1985 có những chuyển động và tiến bộ rõ rệt. Năm 1985, thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước; công nghiệp tăng 54%, sản lượng lương thực từ 14,4 triệu tấn lên 18,2 triệu tấn, xuất khẩu tăng gấp đôi. Tuy vậy, mức tăng của sản xuất vẫn không đủ bù sự giảm sút về nguồn chi viện từ bên ngoài, những tổn thất do các cuộc chiến tranh biên giới gây ra, những nhu cầu tăng lên về quốc phòng và do dân số phát triển. Ngân sách và tiền mặt tiếp tục bội chi lớn, một phần quan trọng do Nhà nước phải chi bù giá; tình hình lạm phát vẫn nặng nề, sức mua đồng tiền năm 1985 chỉ còn bằng khoảng 15% năm 1980, trong khi tiền lương thì tăng chậm, đời sống của nhân dân, nhất là của những người hưởng lương rất khó khăn.

Tháng 6 - 1985, Ban Chấp hành Trung ương Khoá V họp Hội nghị lần thứ 8 để bàn biện pháp chuyển biến tình hình nói trên. Hội nghị chỉ rõ nguyên nhân căn bản của tình hình đó là: chúng ta vẫn chưa nhận rõ căn bệnh sâu xa của cơ chế quản lý kinh tế quốc dân là quan liêu bao cấp; những bước cải tiến về giá và lương trong thời gian 1980 - 1985 còn tiến hành một cách nửa vời, Nhà nước vẫn định giá mọi vật tư hàng hóa, sau khi điều chỉnh một bước giá và lương, tiếp tục để giá và lương ở cơ chế tĩnh; tiến hành điều chỉnh giá và lương một cách đơn độc không đi liền với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xí nghiệp, nên hệ thống giá nhà nước chẳng bao lâu lại xa rời giá cả trên thị trường, thoát ly (thấp hơn) giá trị; hạch toán vẫn còn hình thức, Nhà nước phải bù lỗ cho sản xuất - kinh doanh ngày càng nhiều làm bội chi ngân sách và tiền mặt. HNTU nhận định tình hình đòi hỏi phải cải cách chính sách kinh tế một cách cơ bản hơn với những biện pháp mạnh mẽ hơn, đồng bộ hơn; phải xoá bỏ hẳn cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp..., chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh XHCN; xác định lúc này, xoá bỏ quan liêu bao cấp trong giá, lương, tiền chính là khâu đột phá có ý nghĩa quyết định để thực hiện sự chuyển biến đó. Theo tinh thần ấy, chủ trương tiến tới thực hiện cơ chế một giá, tính đúng, tính đủ chi phí trong hạch toán giá thành sản phẩm; bỏ hẳn cơ chế Nhà nước mua thấp, bán thấp, bù lỗ bất hợp lý; đổi mới tương ứng cơ chế tiền lương; chuyển hoạt động kinh tế của các ngành, các đơn vị cơ sở, kể cả ngân hàng sang hạch toán kinh doanh ... NQTU 8 Khoá V có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, nó đánh dấu quyết tâm của Đảng chuyển từ điều khiển nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu sang điều khiển thông qua vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan. Nếu HNTU 6 Khoá IV (8 - 1979) là **bước đột phá khởi đầu** của quá trình đổi mới đường lối kinh tế, thì HNTU 8 Khoá V (6 - 1985) là **bước đột phá quan trọng** tiếp theo của quá trình ấy.

Sau HNTU 8, trong những tháng cuối năm 1985, Đảng và Nhà nước ta quyết định tiến hành đổi tiền, tổng điều chỉnh giá và lương với mức độ cao. Ba việc lớn nói trên đã được tiến hành dồn dập trong một thời gian ngắn với cách làm có phần thiếu thận trọng, nhiều mặt công tác không được chuẩn bị chu đáo, nhất là việc đổi tiền có nhiều sơ hở, sai lầm đã làm cho tình hình kinh tế - xã hội nước ta những tháng cuối năm 1985 đầu năm 1986 xấu thêm đột biến: giá cả tăng vọt, đồng tiền mới mất giá rất nhanh, thị trường càng rối ren, đời sống của cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân tiếp tục giảm sút nghiêm trọng; những người giữ tiền dành dụm được hoặc gửi tiết kiệm gần như mất trắng. Bọn phá hoại, đầu cơ, buôn lậu lợi dụng thời cơ hoạt động ráo riết càng làm cho thị trường giá cả lúc này rối ren thêm.

Một lần nữa vấn đề nóng bỏng được đặt ra trước cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước là đánh giá và phân tích nguyên nhân của tình hình kinh tế nước nhà. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình như đã nêu trên, một số ý kiến cho rằng nguyên nhân chủ yếu của tình hình là do chúng ta đã sai lầm chạy theo thị trường, đẩy giá nhà nước chạy theo giá thị trường tự do..., hoài nghi chiều hướng đổi mới kinh tế, muốn đặt vấn đề xem xét lại NQTU 8. Song đa số trong Ban Chấp hành Trung ương đã không tán thành ý kiến này, cho rằng quay trở lại cơ chế quan liêu bao cấp là trở lại ngõ cụt, dẫn sâu vào những sai lầm cũ và sẽ không có đường ra; khẳng định các nghị quyết của Trung ương, nhất là NQTU 8 chủ trương xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp chuyển hẳn hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh là hoàn toàn đúng đắn. Nguyên nhân dẫn đến tình hình khó khăn lúc này không phải do những định hướng cơ bản ấy sai lầm, mà do công tác chỉ đạo điều hành thực hiện NQTU có khuyết điểm lớn, bước đi quá vội vã. Chẳng hạn, lẽ ra chúng ta có thể tiếp tục điều chỉnh giá mạnh hơn đi đôi với việc mở rộng việc bù giá vào lương, chứ chưa phải thực hiện ngay một lúc việc

tổng điều chỉnh giá và lương; cũng có thể cân nhắc phát hành song hành thêm loại tiền mới với mệnh giá mới và thu hồi bớt dần đồng tiền cũ mà chưa phải loại bỏ ngay toàn bộ tiền cũ, đổi ngay toàn bộ đồng tiền gây tâm lý hoảng loạn và tình trạng thiếu tiền lẻ... cản trở việc mua bán lưu thông. Nhờ sự kiên định này, Đảng đã không dao động quay lại con đường quan liêu, bao cấp mà đã tập trung vào việc suy nghĩ chọn bước đi có tính quá độ hợp lý hơn, phương án thực hiện khả thi hơn, nhằm tiếp tục đổi mới kinh tế đạt hiệu quả mà trả giá ít hơn. Trong những tháng đầu năm 1986, Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc khắc phục các thiếu sót, tháo gỡ khó khăn kinh tế trước mắt theo quan điểm ấy.

Đồng thời, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, mặc dù thời điểm triệu tập Đại hội VI của Đảng đã rất gần, vào cuối tháng 8-1986, Bộ Chính trị vẫn dành thời gian để tiếp tục thảo luận một cách toàn diện hơn, cơ bản hơn những vấn đề lớn thuộc quan điểm, đường lối kinh tế.

Theo yêu cầu của đồng chí Tổng Bí thư, bộ phận chuẩn bị đã trình bày với Bộ Chính trị những ý kiến khác nhau và lý lẽ chủ yếu của những ý kiến ấy về từng vấn đề, cả trong đánh giá tình hình, phân tích nguyên nhân và đề xuất chủ trương, giải pháp. Các đồng chí dự Hội nghị đã thảo luận rất sôi nổi, cởi mở, tranh luận thẳng thắn, dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật và mạnh mẽ đổi mới tư duy. Trên cơ sở ấy, Hội nghị đã đi đến những nhận định và quyết định vô cùng quan trọng:

- Về cơ cấu kinh tế, trong 5 năm 1986 - 1990 phải điều chỉnh lớn cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, ham khởi công xây dựng quá nhiều công trình và ham lớn, vượt quá khả năng của nền kinh tế, gây ra tình trạng nhiều công trình xây dựng dở dang kéo dài hoặc làm xong phát huy hiệu quả kém. Phải uốn nắn khuynh hướng còn thiên về vội vàng xây dựng công nghiệp

nặng; tập trung trước hết cho việc thực hiện 3 chương trình cấp bách nhất lúc này là phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Việc xây dựng công nghiệp nặng phải được cân nhắc chặt chẽ hơn về quy mô và nhịp độ, trước hết nhằm phục vụ đặc lực 3 chương trình kinh tế nói trên; những gì chưa thể làm ngay thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu.

- Về xây dựng quan hệ sản xuất mới, nhất thiết phải tuân theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất để chọn bước đi và hình thức thích hợp. Trong điều kiện kinh tế nước ta còn rất lạc hậu cần chấp nhận sự tồn tại trong một thời gian tương đối dài của nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả bộ phận kinh tế tư bản tư nhân; đó là cần thiết để phát triển sức sản xuất, vì lợi ích xây dựng CNXH. Không thể nhìn nhận tính ưu việt của quan hệ sản xuất XHCN một cách máy móc, không thể áp đặt xây dựng quan hệ sản xuất XHCN tiên tiến khi nền sản xuất còn lạc hậu, phải thấy rằng vội vã cải tạo XHCN, xây dựng quan hệ sản xuất mới thoát ly trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì chẳng những không thúc đẩy được mà còn kìm hãm sức sản xuất phát triển. Cải tạo XHCN phải gắn liền với từng bước phát triển của lực lượng sản xuất, phải thực hiện sự thay đổi cả trên 3 mặt: chế độ sở hữu, chế độ quản lý và chế độ phân phối. Do đó, không thể đòi hỏi chỉ làm một lần, trong một thời gian ngắn là xong như lâu nay vẫn quan niệm, mà là nhiệm vụ thường xuyên, phải thực hiện liên tục với nhiều bước đi thích hợp trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Về cơ chế quản lý kinh tế, một lần nữa khẳng định phải kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh XHCN; phát triển quan hệ hàng hoá - tiền tệ - thị trường, vận dụng quy luật giá trị cùng với cơ chế kế hoạch hoá. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác quản lý. Phân biệt rõ

chức năng quản lý hành chính kinh tế của cơ quan nhà nước và chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh của các tổ chức kinh tế. Đổi mới tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý theo yêu cầu của cơ chế mới.

Về bản chất, kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị đã phê phán bệnh chủ quan duy ý chí, nôn nóng muốn thực hiện ngay nhiều mục tiêu của CNXH trong điều kiện nền kinh tế còn lạc hậu, nước ta còn ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ; uốn nắn để đường lối xây dựng kinh tế nói riêng và xây dựng CNXH nói chung của Đảng ta trở lại với điều kiện thực tế và quy luật khách quan. Với kết luận trên đây, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 8 - 1986 đã trở thành cái mốc đánh dấu việc **định hình về cơ bản đường lối đổi mới kinh tế của Đảng ta đồng bộ trên cả ba nội dung về quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý và cơ cấu kinh tế; vừa chỉ trúng những sai lầm, khuyết điểm của đường lối chính sách kinh tế đã thực hiện đến lúc ấy, phân tích rõ nguyên nhân của những sai lầm, vừa xác định rõ những định hướng và mục tiêu đổi mới cần hướng tới. Đường lối đổi mới kinh tế đó đã được Đại hội VI (12 - 1986) chính thức công bố trong Nghị quyết của Đại hội, trở thành nền tảng của đường lối đổi mới toàn diện của Đảng ta.**

Hơn 20 năm qua là quá trình thực hiện, cụ thể hoá và phát triển đường lối ấy.

Thời gian đầu sau Đại hội VI, Nhà nước ta vẫn còn thảo luận xem nên cho phép các doanh nghiệp tư nhân ở miền Nam được thuê tới đa máy chực công nhân là hợp lý và có nên cho phép doanh nghiệp tư nhân hoạt động trở lại ở miền Bắc hay không. Ngày nay nền kinh tế nhiều thành phần đã thực sự hình thành và hoạt động có hiệu quả trên phạm vi cả nước. Kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo, doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế, nhưng Nhà nước đã từ bỏ sự độc quyền trong đại đa số lĩnh vực kinh doanh. Kinh tế tư nhân không những được phép tồn tại mà được khuyến khích phát triển và đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế. Kinh tế tập thể

đang được điều chỉnh nội dung và phương thức hoạt động để phát triển có hiệu quả. Doanh nghiệp nhà nước được thực hiện cổ phần hoá rộng rãi, kinh tế cổ phần ngày càng phổ biến trong nền kinh tế quốc dân.

Trong lĩnh vực cơ chế quản lý, chúng ta đã xoá bỏ về cơ bản cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp; lần lượt thực hiện cơ chế giá thị trường đối với giá bán lẻ hàng tiêu dùng và giá thu mua nông sản, tiếp đó là giá các loại vật tư và tỉ giá hối đoái các loại ngoại tệ. Cơ chế thị trường lúc đầu được thực hiện trong lĩnh vực sản phẩm hàng hoá sau đã mở rộng sang lĩnh vực bất động sản, thị trường lao động và tiền vốn, các loại dịch vụ và lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Chế độ phân phối lương thực và hàng tiêu dùng theo định lượng bằng tem phiếu được hủy bỏ. Cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước đang tiếp tục biến đổi sâu sắc trên cơ sở cổ phần hoá rộng rãi, tiến tới xoá bỏ chế độ bộ chủ quản, xây dựng tổ chức chuyên quản lý, kinh doanh vốn của Nhà nước. Chế độ tiền lương, các chính sách phúc lợi xã hội, chính sách thuế, cơ chế bảo hiểm, các luật về kinh tế... đang trong quá trình cải cách hoặc từng bước xây dựng, hoàn thiện.

Cơ cấu kinh tế nước ta đang chuyển đổi nhanh chóng theo hướng CNH, HĐH, vừa coi trọng xây dựng những cơ sở kinh tế cần thiết để bảo đảm khả năng tự chủ của đất nước, vừa tham gia mạnh mẽ phân công lao động quốc tế, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới để phát huy lợi thế so sánh và nâng cao sức cạnh tranh; coi trọng những định hướng phát triển, rút ngắn được quá trình CNH, HĐH và bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước trong những điều kiện mới của thế giới hiện đại.

Tất cả những sự phát triển muôn màu muôn vẻ ấy của nền kinh tế đất nước trong hơn 20 năm qua về cơ bản vẫn dựa trên định hướng của đường lối đổi mới kinh tế đã xác định năm 1986. Những thành tựu chúng ta đạt được trong lĩnh vực phát triển kinh tế đều bắt nguồn trực tiếp từ đường lối đúng đắn ấy. Và mặc dù đã đạt nhiều thành tựu to lớn, chúng ta vẫn còn rất nhiều việc phải làm, phải làm tốt hơn, hoặc phải tiếp

tục khám phá để xây dựng được thể chế kinh tế thị trường văn minh, hiện đại, có hiệu quả bền vững và thể hiện ngày càng rõ hơn định hướng XHCN.

Điểm lại quá trình hình thành đường lối đổi mới kinh tế của Đảng ta, có thể rút ra một số nhận thức sau đây:

Do trước đây nước ta đã thực hiện đường lối kinh tế sai lầm trong nhiều năm, đường lối ấy, cơ chế quản lý ấy đã ăn sâu vào nhận thức, thói quen và những nguyên tắc hoạt động của toàn xã hội, nên việc đổi mới, khắc phục những sai lầm và hậu quả của nó khó tránh khỏi phải trải qua một quá trình khó khăn, lâu dài. Khó khăn, lâu dài còn vì chúng ta vừa phải từ bỏ những cách làm sai lầm cũ, vừa phải tìm tòi con đường đi mới chưa từng có tiền lệ trong lịch sử loài người.

Đảng ta đổi mới kinh tế đến nay đã đạt nhiều thành công trước hết là nhờ Đảng đã dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật trước diễn biến xấu kéo dài của tình hình kinh tế, Đảng đã tinh táo phân tích tình hình thực tế, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, coi trọng việc nghiên cứu tổng kết những kinh nghiệm tốt, những cách làm hay xuất hiện ở các địa phương, cơ sở, lắng nghe và biết chọn lọc lời khuyên và kiến nghị đúng của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, tham khảo, học hỏi kinh nghiệm hay của các nước ngoài... Trên cơ sở đó đã dũng cảm dám từ bỏ những nhận thức, quan điểm, chính sách, chủ trương tỏ ra không còn phù hợp với tình hình, mạnh dạn đổi mới tư duy, suy nghĩ sáng tạo để đi đến những quyết định đổi mới cần thiết. Dũng cảm đổi mới, mạnh dạn sáng tạo nhưng Đảng luôn thể hiện được bản vững vàng, kiên trì định hướng XHCN, kiên trì những định hướng đúng và nguyên tắc đúng; trước diễn biến phức tạp của tình hình không hoang mang mất phương hướng, nhảy từ cực đoan này sang cực đoan khác.

Để đổi mới, phải dám thực hiện những quyết sách táo bạo, không thể cứ rì rọ, rụt rè, nhưng cũng không thể chủ quan, nôn nóng, mà phải có chuẩn bị, có bước đi hợp lý; nóng vội, duy ý chí sẽ khó tránh

khỏi phải trả giá đắt. Bài học về việc thực hiện vội vã tổng điều chỉnh giá - lương - tiền cuối năm 1985 của nước ta là một ví dụ.

Song dù cho trong quá trình thực hiện đổi mới có gặp những va vấp, thất bại tạm thời thì chúng ta vẫn phải bình tĩnh, sáng suốt, kiên trì những định hướng đổi mới đúng đắn, không được vì những vấp vấp mà dao động quay lại những sai lầm cũ, bởi nếu như vậy sẽ càng bế tắc, không có đường ra; nếu không chịu đau thì khó chữa nổi những căn bệnh xã hội trầm trọng.

Công cuộc đổi mới kinh tế ở nước ta chỉ đạt được những chuyển biến cơ bản, thoát dần ra khỏi tình trạng khủng hoảng và từng bước phát triển một cách vững chắc khi Đảng ta nhận rõ được những vấn đề đồng bộ của đường lối kinh tế, chỉ ra đúng được những nhược điểm, sai lầm của đường lối đang thực hiện, xác định được đúng đắn những định hướng và mục tiêu đổi mới. Chỉ từ khi thực hiện đổi mới đồng bộ như vậy thì tình hình kinh tế mới chuyển biến mạnh mẽ, liên tục, cuối cùng dẫn đến xoay chuyển cơ bản cục diện kinh tế của đất nước. Trước năm 1986 chúng ta đã tiến hành đổi mới về chính sách phân phối lưu thông, thực hiện Chi thị 100 về khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp và Quyết định 25/CP về đổi mới kế hoạch hóa doanh nghiệp nhà nước... Những việc làm đây là đúng đắn, cần thiết và đã đem lại kết quả nhất định, song tình hình chuyển biến không vững chắc, không cơ bản và còn nhiều hạn chế vì thực ra các cơ chế, chính sách ấy chỉ là một phần của cơ chế quản lý kinh tế và quan hệ sản xuất xã hội nói chung, không khắc phục nhận thức muốn xây dựng một quan hệ sản xuất tiên tiến thoát ly trình độ phát triển kinh tế lạc hậu, không chấp nhận và thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần và chủ động vận dụng quy luật giá trị... thì khó có thể khắc phục được một cách căn bản tình trạng quan liêu, bao cấp trong cơ chế quản lý.

(Xem tiếp trang 36)

gấp rút chuẩn bị cho việc tiến tới Đại hội lần thứ nhất của Đảng được triệu tập vào năm sau (1935).

Chỉ sau một thời gian ngắn nhận nhiệm vụ trở về nước, mặc dù mặt thám lòng sục, bủa lưới gặt gao, Lê Hồng Phong vẫn kiên trì tìm cách bắt liên lạc được với tổ chức Đảng trong nước, từ đó móc nối cơ sở, đào tạo cán bộ, bổ sung cho đội ngũ cán bộ, dần dần khôi phục lại hệ thống cơ sở Đảng trong toàn quốc. Không những thế, các tổ chức Đảng hải ngoại như đảng bộ Việt kiều ở Xiêm, ở Lào cũng được củng cố, góp phần đưa phong trào cách mạng phát triển lên một bước mới. Có thể nói, với những cống hiến to lớn, không mệt mỏi, đồng chí Lê Hồng Phong đã góp phần quan trọng củng cố, giữ vững vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng, từ đó khôi phục phong trào cách mạng trên cả nước, chuẩn bị tiền đề cho các bước phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

1. Tài liệu đã dẫn, bản dịch in trong sách: Lê Hồng Phong – Người cộng sản kiên cường, CTQG, H, 2002, tr. 725

2. Báo cáo gửi QTCS (15-1-1935), theo sách: Lê Hồng Phong – Người cộng sản kiên cường, Sdd, tr. 685 - 695

3. Theo các tài liệu lưu trữ thì Ban lãnh đạo gồm có các đồng chí Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Thu, Hoàng Văn Nọn, Hoàng Đình Giông...

4. Daniel Homery (Trong cuốn sách: “Những người cách mạng Việt Nam và chính quyền thuộc địa ở Đông Dương), bản “Chương trình hành động của Đảng” được lưu hành ở Đại hội Amxtécđam, 8-1932, và được đăng trên Tạp chí *Thư tín QTCS* ngày 15-12-1932

5. Hà Huy Tập - Một số tác phẩm, CTQG, H, 2006, tr. 484

6, 7. Báo cáo gửi QTCS của Lê Hồng Phong (tức Hải An ngày 15-1-1935), tài liệu đã dẫn, tr. 689, 691

8. Có tài liệu của Lê Hồng Phong nói chỉ có 3 người dự Hội nghị, nhưng trong Báo cáo ngày 15-1-1935, danh sách tham dự có nêu đầy đủ tên của 5 người gồm: Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dật, Nguyễn Văn Tham và Trần Văn Chấn.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH...

(Tiếp theo trang 48)

Hiện nay, Đảng và nhân dân ta quyết tâm tận dụng những thời cơ và thuận lợi, vượt qua những khó khăn và thách thức trong giai đoạn mới, đang tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và sâu rộng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng XHCN, quyết thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, thì việc ôn lại những bài học trên đây để vận dụng trong tình hình mới là rất cần thiết và bổ ích.

3. Theo Chỉ thị 100, cơ chế hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp có thay đổi lớn: hợp tác xã chuyển từ lao động tập thể, sử dụng chung đất đai sang giao ruộng đất về cho từng hộ xã viên canh tác theo kế hoạch của hợp tác xã. Hợp tác xã chỉ tổ chức làm một số khâu mà từng hộ xã viên làm riêng lẻ có khó khăn hoặc kém hiệu quả; chuyển cách phân phối trong hợp tác xã từ căn cứ vào số công lao động từng xã viên bỏ ra để tham gia thực hiện các việc được hợp tác xã giao làm (khoán việc) sang căn cứ vào kết quả từng hộ thực hiện mức sản lượng sản phẩm được hợp tác xã khoán (trừ bớt số công tác dịch vụ mà hộ được hợp tác xã cung ứng); nếu đạt sản lượng cao hơn mức khoán thì phần lớn hoặc toàn bộ sản phẩm vượt khoán được để lại cho hộ xã viên hưởng thụ (khoán sản phẩm)

4. Theo Quyết định 25/CP, xí nghiệp quốc doanh ngoài phần kế hoạch sản xuất và giao nộp sản phẩm theo giá nhà nước, tương ứng với số lượng vật tư được nhà nước cung ứng theo giá thấp, còn được mua thêm vật tư trên thị trường tự do, tự tiêu thụ sản phẩm làm ra từ nguồn vật tư này theo giá kinh doanh; xí nghiệp còn được tổ chức tự sản xuất, tự tiêu thụ một số sản phẩm phụ không thuộc danh mục sản phẩm chính quy định trong nhiệm vụ của xí nghiệp và được hưởng thụ toàn bộ lợi nhuận thu được từ việc sản xuất, kinh doanh số sản phẩm phụ này.